TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày: 23/3/2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Huyền

Ông Hoàng Văn Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình L, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2023, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G và anh Lê Đình L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh L ngoại tình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 26/9/2016 và cháu Lê Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/7/2018. Chị G xin được trực tiếp nuôi cháu Huyền Tr và giao cháu Phương Th cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị G không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Lê Đình L vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2023 ông Lê Đình Ch, bố đẻ anh L trình bày: Anh L và chị Nguyễn Thị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị G sinh sống cùng gia đình chồng và có 02 con chung là cháu Lê Thị Phương Th và cháu Lê Thị Huyền Tr. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có va chạm hay cãi chửi gì, chị G cũng không có mâu thuẫn gì với bố mẹ chồng. Ông Ch chỉ nghe nói anh L có quan hệ với một người phụ nữ khác, gia đình đã dàn xếp ổn thỏa nhưng sau đó chị G phát hiện anh L vẫn liên lạc với người phụ nữ khác thì hai vợ chồng điện thoại và cãi nhau. Cuối năm 2022, chị G đưa cháu Huyền Tr về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, cháu Phương Th vẫn ở cùng anh L. Ông Ch cũng cho biết, chị G xin ly hôn anh L, anh L đã được biết và có trao đổi rằng anh L không bỏ vợ bỏ con, không muốn ly hôn. Do anh L là lái xe đường dài nên không có mặt khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nên ông Ch xin nhận thay anh L các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Ch cam đoan có trách nhiệm thông tin nội dung và giao ngay các văn bản đến anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Lê Đình L. Về con: Đề nghị giao cháu Lê Thị Phương Th cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Huyền Tr cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị G và anh L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn anh Lê Đình L và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn - anh L có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn – anh Lê Đình L vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã về tại địa phương làm việc nhưng tại thời điểm đó anh L vắng mặt tại nơi cư trú, ông Lê Đình Ch là bố đẻ anh L nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan có trách nhiệm giao ngay cho anh L. Tòa án đã tiến hành xác minh, ông Lê Đình Ch cho biết sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã giao ngay toàn bộ các văn bản của Tòa án cho anh L.

Tại phiên tòa ngày 21/3/2023, anh L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tống đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới anh L. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh L vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Đình L tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, gia đình cũng đã hòa giải, dàn xếp nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng anh chị. Từ cuối năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh L.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 26/9/2016 và cháu Lê Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/7/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Phương Th ở với anh L, cháu Huyền Tr ở với chị G. Ly hôn, chị G xin được trực tiếp nuôi cháu Huyền Tr và xin giao cháu Phương Th cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không có ý kiến phản đối nên nguyện vọng của chị G về việc nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp. Chị G và anh L mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị G và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ

luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Lê Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 26/9/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/7/2018 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: AA/2021/0011390 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Th;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân